

**CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT YẾN SÀO KHÁNH HÒA**

Địa chỉ: Quốc lộ 1 A - xã Suối Hiệp - huyện Diên Khánh - tỉnh Khánh Hòa

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2017

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

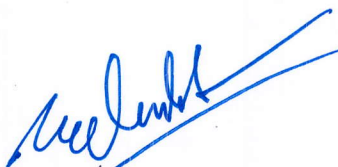
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2017

| CHỈ TIÊU   | Mã số | Thuyết minh | Năm nay         |  |
|--|-------|-------------|-----------------|--|
|  |       |             |                 |  |
| 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ          | 01    | VI.1        | 253,456,196,474 |  |
| 2. Các khoản giảm trừ doanh thu                    | 02    | VI.2        | 120,109,627     |  |
| 3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 10    |             | 253,336,086,847 |  |
| 4. Giá vốn hàng bán                                | 11    | VI.3        | 215,544,083,618 |  |
| 5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ   | 20    |             | 37,792,003,229  |  |
| 6. Doanh thu hoạt động tài chính                   | 21    | VI.4        | 16,001,275      |  |
| 7. Chi phí tài chính                               | 22    |             | -               |  |
| Trong đó: chi phí lãi vay                          | 23    |             | -               |  |
| 8. Chi phí bán hàng                                | 25    | VI.5        | 11,592,939,360  |  |
| 9. Chi phí quản lý doanh nghiệp                    | 26    | VI.6        | 3,936,692,329   |  |
| 10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh        | 30    |             | 22,278,372,815  |  |
| 11. Thu nhập khác                                  | 31    |             | 7,700,000       |  |
| 12. Chi phí khác                                   | 32    |             | 114,471,074     |  |
| 13. Lợi nhuận khác                                 | 40    |             | (106,771,074)   |  |
| 14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế              | 50    |             | 22,171,601,741  |  |
| 15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành   | 51    | V.10        | 4,455,674,563   |  |
| 16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại    | 52    |             | -               |  |
| 17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp       | 60    |             | 17,737,281,393  |  |
| 18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu                       | 70    | VI.7        | 578             |  |
| 19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu                     | 71    | VI.7        | 578             |  |

Khánh Hòa, ngày 15 tháng 4 năm 2017



Phạm Thị Lành  
Kế toán trưởng



Nguyễn Khoa Bảo  
Giám đốc



Đình Việt Thuận  
Chủ tịch Hội đồng quản trị  
Người đại diện theo pháp luật

**CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT YẾN SÀO KHÁNH HÒA**

Địa chỉ: Quốc lộ 1 A - xã Suối Hiệp - huyện Diên Khánh - tỉnh Khánh Hòa

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2017

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2017

Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU  | Mã số      | Thuyết minh | Số cuối năm            | Số đầu năm             |
|---|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| <b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>                         | <b>100</b> |             | <b>316,559,492,253</b> | <b>275,065,953,703</b> |
| <b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>        | <b>110</b> | <b>V.1</b>  | <b>20,757,785,952</b>  | <b>21,165,993,047</b>  |
| 1. Tiền   | 111        |             | 20,757,785,952         | 21,165,993,047         |
| 2. Các khoản tương đương tiền                       | 112        |             | -                      | -                      |
| <b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>                | <b>120</b> |             | <b>-</b>               | <b>-</b>               |
| 1. Chứng khoán kinh doanh                           | 121        |             | -                      | -                      |
| 2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh         | 122        |             | -                      | -                      |
| 3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn                  | 123        |             | -                      | -                      |
| <b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>             | <b>130</b> |             | <b>264,358,872,301</b> | <b>196,100,793,860</b> |
| 1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng                 | 131        | V.2         | 235,989,742,693        | 177,856,138,092        |
| 2. Trả trước cho người bán ngắn hạn                 | 132        | V.3         | 5,298,325,909          | 2,994,511,636          |
| 3. Phải thu nội bộ ngắn hạn                         | 133        |             | -                      | -                      |
| 4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng | 134        |             | -                      | -                      |
| 5. Phải thu về cho vay ngắn hạn                     | 135        |             | -                      | -                      |
| 6. Phải thu ngắn hạn khác                           | 136        | V.4         | 23,070,803,699         | 15,250,144,132         |
| 7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi               | 137        |             | -                      | -                      |
| 8. Tài sản thiếu chờ xử lý                          | 139        |             | -                      | -                      |
| <b>IV. Hàng tồn kho</b>                             | <b>140</b> |             | <b>29,378,258,087</b>  | <b>57,718,892,277</b>  |
| 1. Hàng tồn kho                                     | 141        | V.5         | 29,378,258,087         | 57,718,892,277         |
| 2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho                   | 149        |             | -                      | -                      |
| <b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>                     | <b>150</b> |             | <b>2,064,575,913</b>   | <b>80,274,519</b>      |
| 1. Chi phí trả trước ngắn hạn                       | 151        | V.6a        | 110,024,909            | 51,207,970             |
| 2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ              | 152        |             | -                      | -                      |
| 3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước         | 153        | V.10        | 1,954,551,004          | 29,066,549             |
| 4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ       | 154        |             | -                      | -                      |
| 5. Tài sản ngắn hạn khác                            | 155        |             | -                      | -                      |

**CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT YẾN SÀO KHÁNH HÒA**

Địa chỉ: Quốc lộ 1 A - xã Suối Hiệp - huyện Diên Khánh - tỉnh Khánh Hòa

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2017

**Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)**

| CHỈ TIÊU  | Mã số      | Thuyết minh | Số cuối năm            | Số đầu năm             |
|---|------------|-------------|------------------------|------------------------|
|   |            |             |                        |                        |
| <b>B- TÀI SẢN DÀI HẠN</b>                       | <b>200</b> |             | <b>130,838,623,117</b> | <b>135,408,002,186</b> |
| <b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>            | <b>210</b> |             | -                      | -                      |
| 1. Phải thu dài hạn của khách hàng              | 211        |             | -                      | -                      |
| 2. Trả trước cho người bán dài hạn              | 212        |             | -                      | -                      |
| 3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc           | 213        |             | -                      | -                      |
| 4. Phải thu nội bộ dài hạn                      | 214        |             | -                      | -                      |
| 5. Phải thu về cho vay dài hạn                  | 215        |             | -                      | -                      |
| 6. Phải thu dài hạn khác                        | 216        |             | -                      | -                      |
| 7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi            | 219        |             | -                      | -                      |
| <b>II. Tài sản cố định</b>                      | <b>220</b> |             | <b>25,407,055,379</b>  | <b>25,167,435,514</b>  |
| 1. Tài sản cố định hữu hình                     | 221        | V.7         | 25,407,055,379         | 25,167,435,514         |
| - Nguyên giá                                    | 222        |             | 54,726,736,406         | 52,825,145,497         |
| - Giá trị hao mòn lũy kế                        | 223        |             | (29,319,681,027)       | (27,657,709,983)       |
| 2. Tài sản cố định thuê tài chính               | 224        |             | -                      | -                      |
| - Nguyên giá                                    | 225        |             | -                      | -                      |
| - Giá trị hao mòn lũy kế                        | 226        |             | -                      | -                      |
| 3. Tài sản cố định vô hình                      | 227        |             | -                      | -                      |
| - Nguyên giá                                    | 228        |             | -                      | -                      |
| - Giá trị hao mòn lũy kế                        | 229        |             | -                      | -                      |
| <b>III. Bất động sản đầu tư</b>                 | <b>230</b> |             | -                      | -                      |
| - Nguyên giá                                    | 231        |             | -                      | -                      |
| - Giá trị hao mòn lũy kế                        | 232        |             | -                      | -                      |
| <b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>              | <b>240</b> |             | <b>144,008,482</b>     | <b>229,776,352</b>     |
| 1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn | 241        |             | -                      | -                      |
| 2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang              | 242        | V.8         | 144,008,482            | 229,776,352            |
| <b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>              | <b>250</b> |             | -                      | -                      |
| 1. Đầu tư vào công ty con                       | 251        |             | -                      | -                      |
| 2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết      | 252        |             | -                      | -                      |
| 3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác               | 253        |             | -                      | -                      |
| 4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn            | 254        |             | -                      | -                      |
| 5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn              | 255        |             | -                      | -                      |
| <b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>                 | <b>260</b> |             | <b>105,287,559,256</b> | <b>110,010,790,320</b> |
| 1. Chi phí trả trước dài hạn                    | 261        | V.6b        | 105,287,559,256        | 110,010,790,320        |
| 2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại               | 262        |             | -                      | -                      |
| 3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn  | 263        |             | -                      | -                      |
| 4. Tài sản dài hạn khác                         | 268        |             | -                      | -                      |
| <b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>                        | <b>270</b> |             | <b>447,398,115,370</b> | <b>410,473,955,889</b> |

**CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT YẾN SÀO KHÁNH HÒA**

Địa chỉ: Quốc lộ 1 A - xã Suối Hiệp - huyện Diên Khánh - tỉnh Khánh Hòa

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2017

**Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)**

| CHỈ TIÊU  | Mã số      | Thuyết minh | Số cuối năm            | Số đầu năm             |
|---|------------|-------------|------------------------|------------------------|
|   |            |             |                        |                        |
| <b>C - NỢ PHẢI TRẢ</b>                              | <b>300</b> |             | <b>187,785,768,782</b> | <b>164,164,570,346</b> |
| <b>I. Nợ ngắn hạn</b>                               | <b>310</b> |             | <b>187,785,768,782</b> | <b>164,164,570,346</b> |
| 1. Phải trả người bán ngắn hạn                      | 311        | V.9         | 111,480,364,064        | 79,530,178,385         |
| 2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn                | 312        |             | -                      | 4,930,713              |
| 3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước              | 313        | V.10        | 4,455,674,563          | 12,163,207,840         |
| 4. Phải trả người lao động                          | 314        | V.11        | 5,615,103,125          | 7,980,297,311          |
| 5. Chi phí phải trả ngắn hạn                        | 315        | V.12        | -                      | 30,000,000             |
| 6. Phải trả nội bộ ngắn hạn                         | 316        |             | -                      | -                      |
| 7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng | 317        |             | -                      | -                      |
| 8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn                | 318        |             | -                      | -                      |
| 9. Phải trả ngắn hạn khác                           | 319        | V.13        | 66,234,627,030         | 64,455,956,097         |
| 10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn               | 320        |             | -                      | -                      |
| 11. Dự phòng phải trả ngắn hạn                      | 321        |             | -                      | -                      |
| 12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi                       | 322        | V.14        | -                      | -                      |
| 13. Quỹ bình ổn giá                                 | 323        |             | -                      | -                      |
| 14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ      | 324        |             | -                      | -                      |
| <b>II. Nợ dài hạn</b>                               | <b>330</b> |             | <b>-</b>               | <b>-</b>               |
| 1. Phải trả người bán dài hạn                       | 331        |             | -                      | -                      |
| 2. Người mua trả tiền trước dài hạn                 | 332        |             | -                      | -                      |
| 3. Chi phí phải trả dài hạn                         | 333        |             | -                      | -                      |
| 4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh                | 334        |             | -                      | -                      |
| 5. Phải trả nội bộ dài hạn                          | 335        |             | -                      | -                      |
| 6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn                 | 336        |             | -                      | -                      |
| 7. Phải trả dài hạn khác                            | 337        |             | -                      | -                      |
| 8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn                 | 338        |             | -                      | -                      |
| 9. Trái phiếu chuyển đổi                            | 339        |             | -                      | -                      |
| 10. Cổ phiếu ưu đãi                                 | 340        |             | -                      | -                      |
| 11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả                 | 341        |             | -                      | -                      |
| 12. Dự phòng phải trả dài hạn                       | 342        |             | -                      | -                      |
| 13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ            | 343        |             | -                      | -                      |



**CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT YẾN SÀO KHÁNH HÒA**

Địa chỉ: Quốc lộ 1 A - xã Suối Hiệp - huyện Diên Khánh - tỉnh Khánh Hòa


**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2017



**Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)**

| CHỈ TIÊU   | Mã số      | Thuyết minh | Số cuối năm            | Số đầu năm             |
|--|------------|-------------|------------------------|------------------------|
|  |            |             |                        |                        |
| <b>D - VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>                                    | <b>400</b> |             | <b>259,612,346,588</b> | <b>246,309,385,543</b> |
| <b>I. Vốn chủ sở hữu</b>                                     | <b>410</b> |             | <b>259,612,346,588</b> | <b>246,309,385,543</b> |
| 1. Vốn góp của chủ sở hữu                                    | 411        | V.15        | 230,000,000,000        | 230,000,000,000        |
| - Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết                     | 411a       |             | 230,000,000,000        | 230,000,000,000        |
| - Cổ phiếu ưu đãi  | 411b       |             | -                      | -                      |
| 2. Thặng dư vốn cổ phần                                      | 412        | V.15        | 3,350,161,370          | 3,350,161,370          |
| 3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu                          | 413        |             | -                      | -                      |
| 4. Vốn khác của chủ sở hữu                                   | 414        |             | -                      | -                      |
| 5. Cổ phiếu quỹ  | 415        |             | -                      | -                      |
| 6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản                           | 416        | V.15        | -                      | -                      |
| 7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái                                | 417        |             | -                      | -                      |
| 8. Quỹ đầu tư phát triển                                     | 418        | V.15        | -                      | -                      |
| 9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp                           | 419        |             | -                      | -                      |
| 10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu                            | 420        |             | -                      | -                      |
| 11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối                        | 421        | V.15        | 26,262,185,218         | 12,959,224,173         |
| - Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước | 421a       |             | -                      | -                      |
| - Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này                   | 421b       |             | 26,262,185,218         | 12,959,224,173         |
| 12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản                         | 422        |             | -                      | -                      |
| <b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>                        | <b>430</b> |             | <b>-</b>               | <b>-</b>               |
| 1. Nguồn kinh phí  | 431        |             | -                      | -                      |
| 2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định              | 432        |             | -                      | -                      |
| <b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>                                   | <b>440</b> |             | <b>447,398,115,370</b> | <b>410,473,955,889</b> |

Khánh Hòa, ngày 15 tháng 4 năm 2017

  
 Phạm Thị Lành  
 Kế toán trưởng

  
 Nguyễn Khoa Bảo  
 Giám đốc

  
  
 Đinh Việt Thuận  
 Chủ tịch Hội đồng quản trị  
 Người đại diện theo pháp luật

**CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT YẾN SÀO KHÁNH HÒA**

Địa chỉ: Quốc lộ 1 A - xã Suối Hiệp - huyện Diên Khánh - tỉnh Khánh Hòa

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2017

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2017

Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU   | Mã số     | Thuyết minh | Năm nay                |
|--|-----------|-------------|------------------------|
| <b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>  |           |             |                        |
| 1. Lợi nhuận trước thuế  | 01        |             | 22,171,601,741         |
| 2. Điều chỉnh cho các khoản:   |           |             |                        |
| - Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư  | 02        | V.7         | 1,661,971,044          |
| - Các khoản dự phòng   | 03        |             | -                      |
| - Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ | 04        |             | -                      |
| - Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư  | 05        |             | -                      |
| - Chi phí lãi vay  | 06        |             | -                      |
| - Các khoản điều chỉnh khác  | 07        |             | -                      |
| 3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động                           | 08        |             | 23,833,572,785         |
| - Tăng, giảm các khoản phải thu  | 09        |             | (62,661,805,029)       |
| - Tăng, giảm hàng tồn kho  | 10        | V.5         | 28,340,634,190         |
| - Tăng, giảm các khoản phải trả  | 11        |             | 26,959,033,014         |
| - Tăng, giảm chi phí trả trước   | 12        | V.6a,b      | 4,664,414,125          |
| - Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh  | 13        |             | -                      |
| - Tiền lãi vay đã trả  | 14        |             | -                      |
| - Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp  | 15        | V.10        | (8,600,609,141)        |
| - Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh  | 16        |             | -                      |
| - Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh   | 17        | V.14        | (11,934,724,000)       |
| <b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>                                       | <b>20</b> |             | <b>600,515,944</b>     |
| <b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>   |           |             |                        |
| 1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác               | 21        |             | (1,008,723,039)        |
| 2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác            | 22        |             | -                      |
| 3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác                                    | 23        |             | -                      |
| 4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác                            | 24        |             | -                      |
| 5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác   | 25        |             | -                      |
| 6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác   | 26        |             | -                      |
| 7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia                                     | 27        |             | -                      |
| <b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>   | <b>30</b> |             | <b>(1,008,723,039)</b> |



# CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT YẾN SÀO KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Quốc lộ 1 A - xã Suối Hiệp - huyện Diên Khánh - tỉnh Khánh Hòa

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2017

**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)**

| CHỈ TIÊU   | Mã số     | Thuyết minh | Năm nay               |
|--|-----------|-------------|-----------------------|
| <b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>   |           |             |                       |
| 1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu                             | 31        | V.15        | -                     |
| 2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành | 32        |             | -                     |
| 3. Tiền thu từ đi vay  | 33        |             | -                     |
| 4. Tiền trả nợ gốc vay   | 34        |             | -                     |
| 5. Tiền trả nợ gốc thuế tài chính  | 35        |             | -                     |
| 6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu   | 36        |             | -                     |
| <b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>  | <b>40</b> |             | <b>-</b>              |
| <b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>   | <b>50</b> |             | <b>(408,207,095)</b>  |
| <b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>  | <b>60</b> |             | <b>21,165,993,047</b> |
| Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ                                    | 61        |             | -                     |
| <b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>   | <b>70</b> |             | <b>20,757,785,952</b> |



Khánh Hòa, ngày 15 tháng 4 năm 2017

**Phạm Thị Lành**  
Kế toán trưởng

**Nguyễn Khoa Bảo**  
Giám đốc



**Đinh Viết Thuận**  
Chủ tịch Hội đồng quản trị  
Người đại diện theo pháp luật

# **CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT YẾN SÀO KHÁNH HÒA**

Địa chỉ: Quốc lộ 1A – xã Suối Hiệp – huyện Diên Khánh - tỉnh Khánh Hòa

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán Quý I năm 2017

---

## **BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán Quý I năm 2017

### **I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG**

#### **1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Nước giải khát Yến sào Khánh Hòa (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần.

#### **2. Lĩnh vực kinh doanh**

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất.

#### **3. Ngành nghề kinh doanh**

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: chế biến các sản phẩm và thực phẩm chức năng từ yến sào.

#### **4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

#### **5. Nhân viên**

Tại ngày kết thúc quý Công ty có 649 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 614 nhân viên).

### **II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

#### **1. Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Năm tài chính đầu tiên hoạt động dưới hình thức Công ty cổ phần bắt đầu từ ngày 09 tháng 09 năm 2016.

#### **2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

### **III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

#### **1. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

#### **2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



# CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT YẾN SÀO KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Quốc lộ 1A – xã Suối Hiệp – huyện Diên Khánh - tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán Quý I năm 2017

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

---

## IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

### 1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

### 2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

### 3. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
  - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
  - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
  - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
  - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

### 4. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: chỉ bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, nguyên vật liệu phụ và chi phí vật tư.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

# CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT YẾN SÀO KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Quốc lộ 1A – xã Suối Hiệp – huyện Diên Khánh - tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán Quý I năm 2017

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

---

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

## 5. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty chủ yếu là giá trị lợi thế kinh doanh và giá trị thương hiệu. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

### *Lợi thế kinh doanh*

Lợi thế kinh doanh được ghi nhận theo số liệu Biên bản xác định giá trị doanh nghiệp tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2014. Lợi thế kinh doanh được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 10 năm.

### *Chi phí thương hiệu*

Chi phí thương hiệu phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm.

### *Công cụ, dụng cụ*

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ 24 tháng.

## 6. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

| <u>Loại tài sản cố định</u>     | <u>Số năm</u> |
|---------------------------------|---------------|
| Nhà cửa, vật kiến trúc          | 06 - 25       |
| Máy móc thiết bị                | 05 - 10       |
| Phương tiện vận tải, truyền dẫn | 06 - 10       |
| Thiết bị, dụng cụ quản lý       | 03 - 05       |

## 7. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

## 8. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

# CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT YẾN SÀO KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Quốc lộ 1A – xã Suối Hiệp – huyện Diên Khánh - tỉnh Khánh Hòa

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán Quý I năm 2017

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

---

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh, phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

## 9. **Vốn chủ sở hữu**

### *Vốn góp của chủ sở hữu*

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

### *Thặng dư vốn cổ phần*

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

## 10. **Phân phối lợi nhuận**

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

## 11. **Ghi nhận doanh thu và thu nhập**

### *Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm*

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa, sản phẩm cho người mua.

# CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT YẾN SÀO KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Quốc lộ 1A – xã Suối Hiệp – huyện Diên Khánh - tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán Quý I năm 2017

## Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa, sản phẩm như người sở hữu hàng hóa, sản phẩm hoặc quyền kiểm soát hàng hóa, sản phẩm.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

### *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

### *Tiền lãi*

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

## 12. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ hàng hóa, dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

Trường hợp hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ từ các năm trước, đến năm nay mới phát sinh chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, trả lại thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

- Nếu khoản giảm giá, chiết khấu thương mại, trả lại phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của năm nay.
- Nếu khoản giảm giá, chiết khấu thương mại, trả lại phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của năm sau.

## 13. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

## 14. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

# CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT YẾN SÀO KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Quốc lộ 1A – xã Suối Hiệp – huyện Diên Khánh - tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán Quý I năm 2017

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

---

## ***Thuế thu nhập hiện hành***

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

## ***Thuế thu nhập hoãn lại***

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
  - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
  - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

## **15. Bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

## **16. Báo cáo theo bộ phận**

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

# CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT YẾN SÀO KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Quốc lộ 1A – xã Suối Hiệp – huyện Diên Khánh - tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán Quý I năm 2017

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính của Công ty.

## 17. Công cụ tài chính

### *Tài sản tài chính*

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Công ty gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến tài sản tài chính đó.

### *Nợ phải trả tài chính*

Việc phân loại các khoản nợ phải trả tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ phải trả tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Công ty gồm các khoản phải trả người bán, các khoản phải trả khác.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

### *Công cụ vốn chủ sở hữu*

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

### *Bù trừ các công cụ tài chính*

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

## V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

### 1. Tiền và các khoản tương đương tiền

|                                 | <u>Số cuối năm</u>           | <u>Số đầu năm</u>            |
|---------------------------------|------------------------------|------------------------------|
| Tiền mặt                        | 35.965.171                   | 16.801.316                   |
| Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn | 20.721.820.781               | 21.149.191.731               |
| <b>Cộng</b>                     | <b><u>20.757.785.952</u></b> | <b><u>21.165.993.047</u></b> |

### 2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

|                                       | <u>Số cuối năm</u>     | <u>Số đầu năm</u>      |
|---------------------------------------|------------------------|------------------------|
| <i>Phải thu các bên liên quan</i>     | <i>235.969.856.661</i> | <i>177.854.250.635</i> |
| Công ty TNHH NV MTV Yến sào Khánh Hòa | 235.969.856.661        | 177.854.250.635        |

# CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT YẾN SÀO KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Quốc lộ 1A – xã Suối Hiệp – huyện Diên Khánh - tỉnh Khánh Hòa

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán Quý I năm 2017

### Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

|  | <u>Số cuối năm</u> |                        | <u>Số đầu năm</u> |                        |                 |
|--|--------------------|------------------------|-------------------|------------------------|-----------------|
| Công ty TNHH Một thành viên Nước Giải Khát Sanest Khánh Hòa                    |                    | -                      |                   | -                      |                 |
| <b>Phải thu các khách hàng khác</b>  |                    | <b>19.886.032</b>      |                   | <b>1.887.457</b>       |                 |
| Các khách hàng khác  |                    | 19.886.032             |                   | 1.887.457              |                 |
| <b>Cộng</b>  |                    | <b>235.989.742.693</b> |                   | <b>177.856.138.092</b> |                 |
| <b>3. Trả trước cho người bán</b>  |                    |                        |                   |                        |                 |
|  |                    | <u>Số cuối năm</u>     |                   | <u>Số đầu năm</u>      |                 |
| <b>Trả trước cho người bán khác</b>  |                    | <b>5.298.325.909</b>   |                   | <b>2.994.511.636</b>   |                 |
| Công ty Cổ phần Môi Trường VINATECH  |                    | 1.737.366.164          |                   | 1.351.284.776          |                 |
| Công ty TNHH Tư vấn và Xây Dựng GSC  |                    | -                      |                   | 385.000.000            |                 |
| Công ty TNHH Phúc Khang Bình   |                    | 511.612.860            |                   | 511.612.860            |                 |
| Công ty TNHH Công Nghiệp Vĩnh Thành  |                    | 477.510.000            |                   | 477.510.000            |                 |
| Công ty TNHH MTV Dịch Vụ Kỹ Thuật Thành Đạt                                    |                    | 255.750.000            |                   | 255.750.000            |                 |
| Công ty TNHH XD& TM An Bình Khang  |                    | 444.685.800            |                   | -                      |                 |
| Công ty TNHH XD& TM Hà Châu  |                    | 363.706.720            |                   | -                      |                 |
| Công ty CP Thiết bị công nghiệp Huỳnh Long                                     |                    | 834.900.000            |                   | -                      |                 |
| Các nhà cung cấp khác  |                    | 672.794.365            |                   | 13.354.000             |                 |
| <b>Cộng</b>  |                    | <b>5.298.325.909</b>   |                   | <b>2.994.511.636</b>   |                 |
| <b>4. Phải thu ngắn hạn khác</b>   |                    |                        |                   |                        |                 |
|  |                    | <u>Số cuối năm</u>     |                   | <u>Số đầu năm</u>      |                 |
|  |                    | <u>Giá trị</u>         | <u>Dự phòng</u>   | <u>Giá trị</u>         | <u>Dự phòng</u> |
| <b>Phải thu các bên liên quan</b>  |                    | <b>13.545.320.651</b>  |                   | <b>13.545.320.651</b>  | -               |
| Công ty TNHH MTV Nhà Nước Yến Sào Khánh Hòa - quỹ khen thưởng, phúc lợi cấp bù |                    | 13.545.320.651         |                   | 13.545.320.651         | -               |
| <b>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</b>                                    |                    | <b>12.176.795.233</b>  |                   | <b>1.704.823.481</b>   | -               |
| Tạm ứng  |                    | 236.828.000            |                   | 8.850.000              | -               |
| Bảo hiểm xã hội nộp thừa   |                    | -                      |                   | 37.076.300             | -               |
| Quỹ khen thưởng, phúc lợi chi vượt (xem thuyết minh số V.14)                   |                    | 9.161.026.694          |                   | 1.639.268.827          | -               |
| Các khoản phải thu ngắn hạn khác   |                    | 127.628.354            |                   | 19.628.354             | -               |
| <b>Cộng</b>  |                    | <b>23.070.803.354</b>  |                   | <b>15.250.144.132</b>  | -               |
| <b>5. Hàng tồn kho</b>   |                    |                        |                   |                        |                 |

**CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT YẾN SÀO KHÁNH HÒA**

Địa chỉ: Quốc lộ 1A – xã Suối Hiệp – huyện Diên Khánh - tỉnh Khánh Hòa

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán Quý I năm 2017

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

|                                      | Số cuối năm           |          | Số đầu năm            |          |
|--------------------------------------|-----------------------|----------|-----------------------|----------|
|                                      | Giá trị               | Dự phòng | Giá trị               | Dự phòng |
| Hàng mua đang đi trên đường          |                       | -        | 54.222.000            | -        |
| Nguyên liệu, vật liệu                | 9.190.631.765         |          | 14.120.788.395        | -        |
| Công cụ, dụng cụ                     | 13.215.704.390        |          | 20.260.785.291        | -        |
| Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang | 108.717.238           |          | 235.060.842           | -        |
| Thành phẩm                           | 1.132.812.632         |          | 8.207.195.523         | -        |
| Hàng hóa                             | 1.156.895.428         |          | 1.042.476.008         | -        |
| Hàng gửi đi bán                      | 4.573.496.634         |          | 13.798.364.218        | -        |
| <b>Cộng</b>                          | <b>29.378.258.087</b> |          | <b>57.718.892.277</b> | -        |

**6. Chi phí trả trước ngắn hạn/dài hạn****6a. Chi phí trả trước ngắn hạn**

|                                  | Số cuối năm        | Số đầu năm        |
|----------------------------------|--------------------|-------------------|
| Chi phí thuê mặt bằng, văn phòng | 104.545.458        | 40.273.973        |
| Chi phí sửa chữa tài sản         | 5.479.451          | 10.933.997        |
| <b>Cộng</b>                      | <b>110.024.909</b> | <b>51.207.970</b> |

**6b. Chi phí trả trước dài hạn**

|                                  | Số cuối năm            | Số đầu năm             |
|----------------------------------|------------------------|------------------------|
| Lợi thế kinh doanh               | 89.370.713.320         | 91.743.617.253         |
| Giá trị thương hiệu              | 11.348.714.033         | 15.131.618.711         |
| Chi phí công cụ, dụng cụ         | 2.040.996.877          | 1.461.823.930          |
| Chi phí thuê mặt bằng, văn phòng | 1.628.637.513          | 1.532.063.759          |
| Chi phí sửa chữa tài sản         | 898.497.513            | 141.666.667            |
| <b>Cộng</b>                      | <b>105.287.559.256</b> | <b>110.010.790.320</b> |

**7. Tài sản cố định hữu hình**

|                                 | Nhà cửa, vật kiến trúc | Máy móc thiết bị      | Phương tiện vận tải   | Thiết bị, dụng cụ quản lý | Cộng                  |
|---------------------------------|------------------------|-----------------------|-----------------------|---------------------------|-----------------------|
| <b>Nguyên giá</b>               |                        |                       |                       |                           |                       |
| Số đầu năm                      | 13.164.586.996         | 27.269.039.775        | 12.171.316.650        | 220.202.076               | 52.825.145.497        |
| Mua sắm mới                     |                        | 1.192.500.000         | 709.090.909           |                           | 1.901.590.909         |
| <b>Số cuối năm</b>              | <b>13.164.586.996</b>  | <b>28.461.539.775</b> | <b>12.880.407.559</b> | <b>220.202.076</b>        | <b>54.726.736.406</b> |
| <i>Trong đó:</i>                |                        |                       |                       |                           |                       |
| Đã khấu hao hết vẫn còn sử dụng | -                      | 240.686.049           | -                     | -                         | 240.686.049           |
| Chờ thanh lý                    | -                      | -                     | -                     | -                         | -                     |
| <b>Nguyên giá</b>               |                        |                       |                       |                           |                       |
| Số đầu năm                      | 6.678.069.221          | 14.259.591.923        | 6.532.871.833         | 187.177.006               | 27.657.709.983        |
| Khấu hao trong năm              | 243.722.187            | 1.014.428.202         | 393.075.021           | 10.745.634                | 1.661.971.044         |



**CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT YẾN SÀO KHÁNH HÒA**

Địa chỉ: Quốc lộ 1A – xã Suối Hiệp – huyện Diên Khánh - tỉnh Khánh Hòa

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán Quý I năm 2017

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

|                        | Nhà cửa, vật<br>kiến trúc | Máy móc<br>thiết bị   | Phương tiện<br>vận tải | Thiết bị,<br>dụng cụ<br>quản lý | Cộng                  |
|------------------------|---------------------------|-----------------------|------------------------|---------------------------------|-----------------------|
| <b>Số cuối năm</b>     | <b>6.921.791.408</b>      | <b>15.274.020.125</b> | <b>6.925.946.854</b>   | <b>197.922.640</b>              | <b>29.319.681.027</b> |
| <b>Giá trị còn lại</b> |                           |                       |                        |                                 |                       |
| Số đầu năm             | 6.486.517.775             | 13.009.447.852        | 5.638.444.817          | 33.025.070                      | 25.167.435.514        |
| <b>Số cuối năm</b>     | <b>6.242.795.588</b>      | <b>13.187.519.650</b> | <b>5.954.460.705</b>   | <b>22.279.436</b>               | <b>25.407.055.379</b> |

*Trong đó:*

|                       |   |   |   |   |   |
|-----------------------|---|---|---|---|---|
| Tạm thời chưa sử dụng | - | - | - | - | - |
| Đang chờ thanh lý     | - | - | - | - | - |

**8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Chi phí sửa chữa tài sản cố định

|                     | Năm nay           |
|---------------------|-------------------|
| Số đầu năm          | 229.776.352       |
| Phát sinh trong năm | (140.841.324)     |
| <b>Số cuối năm</b>  | <b>88.935.028</b> |

**9. Phải trả người bán ngắn hạn**

|   | Số cuối năm            | Số đầu năm            |
|---|------------------------|-----------------------|
| <b>Phải trả các bên liên quan</b>   | <b>63.188.206.629</b>  | <b>35.397.414.002</b> |
| Công ty TNHH Một thành viên Nước giải khát Sanest Khánh Hòa                                   | 62.616.469.204         | 34.149.820.922        |
| Công ty Cổ phần Dịch vụ Văn hóa và Quảng cáo Khánh Hòa  | 74.000.000             | 81.878.000            |
| Công ty TNHH Một thành viên Thiết kế Xây dựng Sanatech Land                                   | -                      | -                     |
| Công ty Cổ phần Du lịch Thương mại Nha Trang  | -                      | -                     |
| Công ty Cổ phần Chế biến Nông sản Xuất khẩu Khánh Hòa   | 492.301.425            | 1.154.299.880         |
| Công ty TNHH Một thành viên Nước giải khát Sanna Khánh Hòa                                    | -                      | 10.627.200            |
| Công ty TNHH Nhà nước Một thành viên Yến Sào Khánh Hòa - Nhà máy chế biến nguyên liệu Yến Sào | 5.436.000              | 788.000               |
| <b>Phải trả các nhà cung cấp khác</b>   | <b>48.292.157.435</b>  | <b>44.132.764.383</b> |
| Công ty TNHH NHT  | 3.983.142.900          | 6.004.909.900         |
| Các nhà cung cấp khác   | 44.309.014.535         | 38.127.854.483        |
| <b>Cộng</b>   | <b>111.480.364.064</b> | <b>79.530.178.385</b> |

Công ty không có nợ phải trả người bán quá hạn chưa thanh toán.

# CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT YẾN SÀO KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Quốc lộ 1A – xã Suối Hiệp – huyện Diên Khánh - tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán Quý I năm 2017

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

## 10. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

|                              | Số đầu năm            |                   | Số cuối năm                            |                      | Phải nộp             | Phải thu      |
|------------------------------|-----------------------|-------------------|--|----------------------|----------------------|---------------|
|                              | Phải nộp              | Phải thu          | Số phải nộp                            | Số đã thực nộp       |                      |               |
| Thuế GTGT hàng bán nội địa   | 3.562.598.699         | -                 | 6.147.198.392 (10.489.105.208)         | (779.308.117)        | -                    | -             |
| Thuế GTGT của hàng nhập khẩu |                       |                   | 1.853.545.147 (1.853.545.147)          |                      | -                    | -             |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp   | 8.600.609.141         | -                 | 4.455.674.563 (8.600.609.141)          | 4.455.674.563        | -                    | -             |
| Thuế thu nhập cá nhân        |                       | - 29.066.549      | 778.379.241 (1.924.555.579)            |                      | -                    | 1.175.242.887 |
| Thuế tài nguyên              |                       | -                 | 1.930.680 (1.930.680)                  |                      | -                    | -             |
| <b>Cộng</b>                  | <b>12.163.207.840</b> | <b>29.066.549</b> | <b>13.236.728.023 (22.869.745.755)</b> | <b>3.676.366.466</b> | <b>1.175.242.887</b> |               |

### *Thuế giá trị gia tăng*

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 10%.

### *Thuế thu nhập doanh nghiệp*

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20% (năm trước là 20%).

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

|  | <u>Năm nay</u>       |
|--|----------------------|
| Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế  | 22.171.601.741       |
| Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp: |                      |
| - Các khoản điều chỉnh tăng  | 106.771.074          |
| - Các khoản điều chỉnh giảm  | -                    |
| Thu nhập chịu thuế   | 22.278.372.815       |
| Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp   | 20%                  |
| <b>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp</b>   | <b>4.455.674.563</b> |

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

### *Thuế tài nguyên*

Công ty phải nộp thuế tài nguyên cho hoạt động khai thác nước sạch, giá tính thuế là 4.000 VND/m<sup>3</sup>, thuế suất 5%.

**CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT YẾN SÀO KHÁNH HÒA**

Địa chỉ: Quốc lộ 1A – xã Suối Hiệp – huyện Diên Khánh - tỉnh Khánh Hòa

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán Quý I năm 2017

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****11. Phải trả người lao động**

Số cuối năm là tiền lương còn phải trả cho người lao động.

**12. Chi phí phải trả ngắn hạn**

Các chi phí phải trả ngắn hạn khác.

**13. Phải trả ngắn hạn khác**

|  | <u>Số cuối năm</u>           | <u>Số đầu năm</u>            |
|--|------------------------------|------------------------------|
| <b><i>Phải trả các bên liên quan</i></b>                                 | <b><i>63.374.362.143</i></b> | <b><i>63.415.672.143</i></b> |
| Công ty TNHH Nhà Nước MTV Yến Sào Khánh Hòa - Cổ tức, lợi nhuận phải trả | 37.565.826.784               | 37.565.826.784               |
| Công ty TNHH Nhà Nước MTV Yến Sào Khánh Hòa - Phải trả cổ phần hóa       | 25.808.535.359               | 25.808.535.359               |
| Thù lao HĐQT và ban kiểm soát  | -                            | 41.310.000                   |
| <b><i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i></b>                       | <b><i>2.860.264.887</i></b>  | <b><i>1.040.283.954</i></b>  |
| Kinh phí công đoàn   | 1.053.719.170                | 902.526.590                  |
| Các khoản phải trả ngắn hạn khác   | 1.806.545.717                | 137.757.364                  |
| <b>Cộng</b>  | <b><u>66.234.627.030</u></b> | <b><u>64.455.956.097</u></b> |

Công ty không có nợ phải trả khác quá hạn chưa thanh toán.

**14. Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

|                            | <u>Năm nay</u>                |
|----------------------------|-------------------------------|
| Số đầu năm                 | (1.639.268.827)               |
| Công ty mẹ cấp bù quỹ      | 4.434.320.348                 |
| Tăng do trích từ lợi nhuận | (11.934.724.000)              |
| Chi quỹ trong năm          | (9.139.672.479)               |
| <b>Số cuối năm</b>         | <b><u>(9.139.672.479)</u></b> |

Số dư quỹ khen thưởng phúc lợi chi vượt được trình bày tại chỉ tiêu Phải thu ngắn hạn khác (xem thuyết minh số V.4).

**15. Vốn chủ sở hữu****15a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày tại Phụ lục 01.

**15b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

|  | <u>Số vốn góp (VND)</u>       | <u>Tỷ lệ (%)</u>     |
|--|-------------------------------|----------------------|
| Công ty TNHH Nhà Nước Một thành viên Yến Sào Khánh Hòa | 117.300.000.000               | 51,00                |
| Công ty Cổ phần Du Lịch Thương Mại Nha Trang           | 47.110.000.000                | 20,48                |
| Các cổ đông khác                                       | 65.590.000.000                | 28,52                |
| <b>Cộng</b>  | <b><u>230.000.000.000</u></b> | <b><u>100,00</u></b> |

Công ty đã góp đủ vốn điều lệ đăng ký là 230.000.000.000 VND.

# CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT YẾN SÀO KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Quốc lộ 1A – xã Suối Hiệp – huyện Diên Khánh - tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán Quý I năm 2017

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

## 15c. Cổ phiếu

|                                     | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|-------------------------------------|--------------------|-------------------|
| Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành | 23.000.000         | 23.000.000        |
| Số lượng cổ phiếu đã phát hành      | 23.000.000         | 23.000.000        |
| Số lượng cổ phiếu được mua lại      | -                  | -                 |
| Số lượng cổ phiếu đang lưu hành     | 23.000.000         | 23.000.000        |

Toàn bộ là cổ phiếu phổ thông. Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

## 15d. Phân phối lợi nhuận

Trong quý I Công ty đã tạm trích quỹ khen thưởng, phúc lợi theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thành lập ngày 31 tháng 8 năm 2016 là 4.434.320.348 VND.

## VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

### 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

#### 1a. Tổng doanh thu

|                          | <u>Năm nay</u>                |
|--------------------------|-------------------------------|
| Doanh thu bán hàng hóa   | 5.267.888.174                 |
| Doanh thu bán thành phẩm | 248.188.308.300               |
| Doanh thu dịch vụ khác   | -                             |
| <b>Cộng</b>              | <b><u>253.456.196.474</u></b> |

#### 1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Công ty phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan như sau:

|   | <u>Năm nay</u>  |
|---|-----------------|
| Công ty TNHH Nhà nước Một thành viên Yến Sào Khánh Hòa – Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm và cung cấp dịch vụ | 246.878.994.240 |
| Công ty TNHH Một thành viên Nước giải khát Sanest Khánh Hòa – Doanh thu bán hàng hóa và thành phẩm              | 1.499.354.350   |

### 2. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu là chiết khấu thương mại.

### 3. Giá vốn hàng bán

|                                  | <u>Năm nay</u>                |
|----------------------------------|-------------------------------|
| Giá vốn hàng hóa đã bán          | 4.348.213.034                 |
| Giá vốn thành phẩm đã bán        | 210.209.227.562               |
| Giá vốn dịch vụ khác đã cung cấp | 986.643.022                   |
| <b>Cộng</b>                      | <b><u>215.544.083.618</u></b> |

### 4. Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính là lãi tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

# CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT YẾN SÀO KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Quốc lộ 1A – xã Suối Hiệp – huyện Diên Khánh - tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán Quý I năm 2017

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

## 5. Chi phí bán hàng

|                                  | <u>Năm nay</u>                      |
|----------------------------------|-------------------------------------|
| Chi phí cho nhân viên            | 1.797.353.453                       |
| Chi phí vật liệu, bao bì         | 30.846.811                          |
| Chi phí dụng cụ, đồ dùng         | 31.206.648                          |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 293.217.885                         |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài        | 9.363.296.193                       |
| Các chi phí khác                 | 77.018.370                          |
| <b>Cộng</b>                      | <b><u><u>11.592.939.360</u></u></b> |

## 6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

|   | <u>Năm nay</u>                     |
|---|------------------------------------|
| Chi phí cho nhân viên                       | 2.996.908.580                      |
| Chi phí vật liệu quản lý, đồ dùng văn phòng | 51.975.467                         |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định            | 58.521.325                         |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài                   | 728.950.593                        |
| Các chi phí khác                            | 100.336.364                        |
| <b>Cộng</b>                                 | <b><u><u>3.936.692.329</u></u></b> |

## 7. Lãi trên cổ phiếu

### 7a. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu

|   | <u>Năm nay</u>           |
|---|--------------------------|
| Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp                            | 17.737.281.393           |
| Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi   | (4.434.320.348)          |
| Lợi nhuận tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu                            | 13.302.961.045           |
| Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm | 23.000.000               |
| <b>Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu</b>                                    | <b><u><u>578</u></u></b> |

### 7b. Thông tin khác

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc năm tài chính đến ngày công bố Báo cáo tài chính này.

## 8. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

|                                  | <u>Năm nay</u>                       |
|----------------------------------|--------------------------------------|
| Chi phí nguyên liệu, vật liệu    | 161.785.608.131                      |
| Chi phí nhân công                | 27.058.802.838                       |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 1.661.971.044                        |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài        | 11.353.831.375                       |
| Chi phí khác                     | 178.326.734                          |
| <b>Cộng</b>                      | <b><u><u>202.038.540.122</u></u></b> |

# CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT YẾN SÀO KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Quốc lộ 1A – xã Suối Hiệp – huyện Diên Khánh - tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán Quý I năm 2017

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

## VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

### 1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

#### 1a. *Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành (Ban Giám đốc, Kế toán trưởng). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

*Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

*Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt được trình bày tại các thuyết minh số V.13.

#### 1b. *Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác*

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

| <b>Bên liên quan khác</b>                                   | <b>Mối quan hệ</b>  |
|---|---|
| Công ty TNHH Nhà Nước Một thành viên Yến Sào Khánh Hòa      | Công ty mẹ, sở hữu 51% vốn điều lệ  |
| Công ty Cổ phần Du lịch Thương mại Nha Trang                | Cổ đông, sở hữu 20,48% vốn điều lệ, đồng thời là công ty con của Công ty TNHH Nhà Nước Một thành viên Yến Sào Khánh Hòa |
| Công ty TNHH Một thành viên Nước Giải Khát Sanest Khánh Hòa | Công ty con của Công ty TNHH Nhà Nước Một thành viên Yến Sào Khánh Hòa  |
| Công ty TNHH Một thành viên Nước Giải Khát Sana Khánh Hòa   | Công ty con của Công ty TNHH Nhà Nước Một thành viên Yến Sào Khánh Hòa  |
| Công ty Cổ phần Dịch Vụ Văn Hóa và Quảng Cáo Khánh Hòa      | Công ty con của Công ty TNHH Nhà Nước Một thành viên Yến Sào Khánh Hòa  |
| Công ty TNHH Một thành viên Thiết kế Xây dựng Sanatech Land | Công ty con của Công ty TNHH Nhà Nước Một thành viên Yến Sào Khánh Hòa  |
| Công ty Cổ phần Chế Biến Nông Sản Xuất Khẩu Khánh Hòa       | Công ty do Công ty TNHH Nhà Nước Một thành viên Yến Sào Khánh Hòa kiểm soát   |

### 2. Thông tin về bộ phận

Công ty chỉ hoạt động trong một lĩnh vực kinh doanh là chế biến các sản phẩm và thực phẩm chức năng từ yến sào và trong một khu vực địa lý là huyện Diên Khánh – tỉnh Khánh Hòa – Việt Nam.

# CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT YẾN SÀO KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Quốc lộ 1A – xã Suối Hiệp – huyện Diên Khánh - tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán Quý I năm 2017

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

---

### 3. Quản lý rủi ro tài chính

Hoạt động của Công ty phát sinh các rủi ro tài chính sau: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường. Ban Giám đốc chịu trách nhiệm trong việc thiết lập các chính sách và các kiểm soát nhằm giảm thiểu các rủi ro tài chính cũng như giám sát việc thực hiện các chính sách và các kiểm soát đã thiết lập.

#### 3a. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng, tiền gửi ngân hàng.

##### *Phải thu khách hàng*

Công ty phân phối đại đa số thành phẩm, hàng hóa và cung cấp dịch vụ cho Công ty mẹ là Công ty TNHH MTV Nhà Nước Yến Sào Khánh Hòa, số dư nợ tại ngày kết thúc năm tài chính chiếm 99,99% tổng số dư nợ phải thu (số đầu năm chiếm 94,78%). Công ty bán hàng cho công ty mẹ nên rủi ro tín dụng tập trung đối với khoản phải thu của khách hàng này là thấp.

##### *Tiền gửi ngân hàng*

Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn của Công ty được gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến ở Việt Nam do vậy rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Mức độ rủi ro tín dụng tối đa đối với các tài sản tài chính là giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính (xem thuyết minh số VII.4 về giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính).

Tất cả các tài sản tài chính của Công ty đều trong hạn và không bị giảm giá trị.

#### 3b. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua các biện pháp: thường xuyên theo dõi các yêu cầu về thanh toán hiện tại và dự kiến trong tương lai để duy trì một lượng tiền cũng như các khoản vay ở mức phù hợp, giám sát các luồng tiền phát sinh thực tế với dự kiến nhằm giảm thiểu ảnh hưởng do biến động của luồng tiền.

Toàn bộ các khoản nợ phải trả tài chính phi phái sinh có thời hạn thanh toán từ 1 năm trở xuống.

Ban Giám đốc cho rằng mức độ rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh.

#### 3c. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường.

Rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động của Công ty gồm: rủi ro giá hàng hóa/nguyên vật liệu.

Các phân tích về độ nhạy, các đánh giá dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 03 năm 2017 trên cơ sở giá trị nợ thuần. Mức thay đổi của giá hàng hóa/nguyên vật

# CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT YẾN SÀO KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Quốc lộ 1A – xã Suối Hiệp – huyện Diên Khánh - tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán Quý I năm 2017

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

liệu sử dụng để phân tích độ nhạy được dựa trên việc đánh giá khả năng có thể xảy ra trong vòng một năm tới với các điều kiện quan sát được của thị trường tại thời điểm hiện tại.

*Rủi ro về giá hàng hóa/nguyên vật liệu*

Công ty có rủi ro về sự biến động của giá hàng hóa/nguyên vật liệu. Công ty quản lý rủi ro về giá hàng hóa/nguyên vật liệu bằng cách theo dõi chặt chẽ các thông tin và tình hình có liên quan của thị trường nhằm quản lý thời điểm mua hàng, kế hoạch sản xuất và mức hàng tồn kho một cách hợp lý.

Công ty chưa sử dụng các công cụ phái sinh đảm bảo để phòng ngừa các rủi ro về giá hàng hóa/nguyên vật liệu.

### 3d. Tài sản đảm bảo

Công ty không có tài sản tài chính thế chấp cho các đơn vị khác cũng như nhận tài sản thế chấp từ các đơn vị khác tại ngày 31 tháng 03 năm 2017.

### 4. Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính

*Tài sản tài chính*

Giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính như sau:

|                                    | Số cuối năm            |          | Số đầu năm             |          |
|------------------------------------|------------------------|----------|------------------------|----------|
|                                    | Giá gốc                | Dự phòng | Giá gốc                | Dự phòng |
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 20.757.785.952         | -        | 21.165.993.047         | -        |
| Phải thu khách hàng                | 235.989.742.693        | -        | 177.856.138.092        | -        |
| Các khoản phải thu khác            | 13.672.949.005         | -        | 15.204.217.832         | -        |
| <b>Cộng</b>                        | <b>270.420.477.650</b> | <b>-</b> | <b>214.226.348.971</b> | <b>-</b> |

*Nợ phải trả tài chính*

Giá trị ghi sổ của nợ phải trả tài chính như sau:

|                         | Số cuối năm            | Số đầu năm             |
|-------------------------|------------------------|------------------------|
| Phải trả người bán      | 111.480.364.064        | 79.530.178.385         |
| Các khoản phải trả khác | 66.234.627.030         | 64.485.956.097         |
| <b>Cộng</b>             | <b>177.714.991.094</b> | <b>144.016.134.482</b> |



# CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT YẾN SÀO KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Quốc lộ 1A – xã Suối Hiệp – huyện Diên Khánh - tỉnh Khánh Hòa

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán Quý I năm 2017

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

## *Giá trị hợp lý*

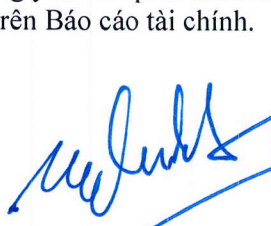
Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính do Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009 của Bộ Tài chính cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể.

## **5. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính**

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính.



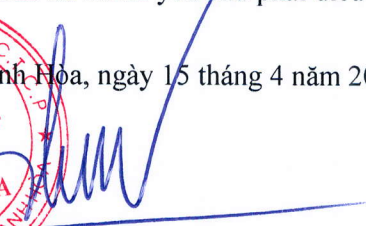
**Phạm Thị Lành**  
Kế toán trưởng



**Nguyễn Khoa Bảo**  
Giám đốc



Khánh Hòa, ngày 15 tháng 4 năm 2017



**Đinh Viết Thuận**  
Chủ tịch Hội đồng quản trị  
Người đại diện theo pháp luật

# CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT YẾN SÀO KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Quốc lộ 1 A - xã Suối Hiệp - huyện Diên Khánh - tỉnh Khánh Hòa


## BÁO CÁO TÀI CHÍNH


Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2017

Phụ lục 01: Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

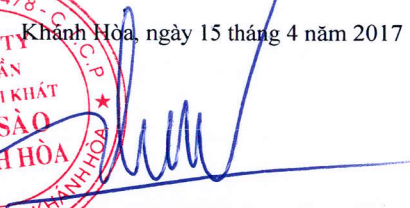
|                                  | Vốn góp<br>của chủ sở hữu | Thặng dư<br>vốn cổ phần | Chênh lệch<br>đánh giá lại<br>tài sản | Quỹ đầu tư<br>phát triển | Lợi nhuận<br>sau thuế<br>chưa phân phối | Cộng                   |
|----------------------------------|---------------------------|-------------------------|---------------------------------------|--------------------------|---|------------------------|
| Số đầu năm trước                 | 230,000,000,000           | 3,350,161,370           | -                                     | -                        | -                                       | 233,350,161,370        |
| Lợi nhuận trong năm trước        | -                         | -                       | -                                     | -                        | 17,369,920,346                          | 17,369,920,346         |
| Trích quỹ đầu tư phát triển      | -                         | -                       | -                                     | -                        | -                                       | -                      |
| Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi  | -                         | -                       | -                                     | -                        | (4,410,696,173)                         | (4,410,696,173)        |
| Phải trả cổ phần hóa             | -                         | -                       | -                                     | -                        | -                                       | -                      |
| <b>Số dư cuối năm trước</b>      | <b>230,000,000,000</b>    | <b>3,350,161,370</b>    | <b>-</b>                              | <b>-</b>                 | <b>12,959,224,173</b>                   | <b>246,309,385,543</b> |
| Số dư đầu năm nay                | 230,000,000,000           | 3,350,161,370           | -                                     | -                        | 12,959,224,173                          | 246,309,385,543        |
| Kết chuyển vốn                   | -                         | -                       | -                                     | -                        | -                                       | -                      |
| Phát hành cổ phiếu trong năm nay | -                         | -                       | -                                     | -                        | -                                       | -                      |
| Phải trả cổ phần hóa             | -                         | -                       | -                                     | -                        | -                                       | -                      |
| Lợi nhuận trong năm nay          | -                         | -                       | -                                     | -                        | 17,737,281,393                          | 17,737,281,393         |
| Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi  | -                         | -                       | -                                     | -                        | (4,434,320,348)                         | (4,434,320,348)        |
| <b>Số dư cuối năm nay</b>        | <b>230,000,000,000</b>    | <b>3,350,161,370</b>    | <b>-</b>                              | <b>-</b>                 | <b>26,262,185,218</b>                   | <b>259,612,346,588</b> |

  
Phạm Thị Lành  
Kế toán trưởng

  
Nguyễn Khoa Bảo  
Giám đốc



Khánh Hòa, ngày 15 tháng 4 năm 2017

  
Đinh Viết Thuận  
Chủ tịch Hội đồng quản trị  
Người đại diện theo pháp luật